|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  **CỤC TRỒNG TRỌT**  **VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 25/BC7N-TTBVTV |  |

**BÁO CÁO  
Tình hình sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật 7 ngày**

*(Từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 6 năm 2025)*

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT**

**1. Tình hình thời tiết:** (Theo dữ liệu Trung tâm dự báo KTTV Quốc gia).

***1.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Tình hình thời tiết trong tuần:*

Nhiệt độ: Trung bình: 28,9 0C; Cao nhất: 37,3 0C; Thấp nhất: 22,2 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 81,5 %; Cao nhất: 92,4 %; Thấp nhất: 66,6%.

Nhận xét: Trong kỳ, ban ngày trời nắng, có nơi nắng nóng; chiều tối có lúc có mưa, mưa rào rải rác, cục bộ có nơi mưa to.

*b) Dự báo trong tuần tới:*

- Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc: Từ ngày 20–23/6, có mưa rào và rải rác có dông; riêng khu vực vùng núi và trung du có mưa, mưa vừa và dông, cục bộ có nơi mưa to đến rất to. Từ ngày 24/6, ban ngày có nắng gián đoạn; chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to.

- Khu vực Đồng bằng sông Hồng: Từ ngày 20–23/6, có mưa rào và rải rác có dông; riêng khu vực vùng núi và trung du có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và dông. Từ ngày 24/6, ban ngày có nắng gián đoạn; chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa to.

***1.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Tình hình thời tiết trong tuần:*

Nhiệt độ: Trung bình: 29,6 0C; Cao nhất: 37,9 0C; Thấp nhất: 24,1 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 79,7 %; Cao nhất: 99,0 %; Thấp nhất: 65,3 %.

Nhận xét: Những ngày đầu, các tỉnh phía Bắc có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa to; các tỉnh phía Nam có mưa to đến rất to và dông. Những ngày giữa và cuối, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ban ngày trời nắng nóng.

*b) Dự báo trong tuần tới:* Khu vực có mưa rào và dông vài nơi vào chiều tối và đêm; ban ngày trời nắng nóng, riêng ngày 21–22/6 có nắng nóng và nắng nóng gay gắt.

***1.3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

*a) Tình hình thời tiết trong tuần:*

- Khu vực Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB):

Nhiệt độ: Trung bình: 30,3 0C; Cao nhất: 35,6 0C; Thấp nhất: 26,7 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 76,0 %; Cao nhất: 88,1 %; Thấp nhất: 58,8 %.

- Khu vực Tây Nguyên:

Nhiệt độ: Trung bình: 22,4 0C; Cao nhất: 32,6 0C; Thấp nhất: 15,0 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 85,9 %; Cao nhất: 96,0 %; Thấp nhất: 78,3 %.

Nhận xét: Trong kỳ qua, khu vực Đồng bằng có nắng nóng, oi bức, rải rác có mưa rào và dông vài nơi. Khu vực Tây Nguyên trời nhiều mây, chiều tối và đêm có mưa rào và dông, cục bộ có nơi mưa vừa đến mưa to. Nhìn chung, thời tiết tương đối thuận lợi cho lúa Hè Thu, rau màu và một số cây trồng chính khác sinh trưởng, phát triển bình thường.

*b) Dự báo trong tuần tới:*

- Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ: Ban ngày trời nắng, có nơi nắng nóng; riêng khu vực phía Bắc xuất hiện nắng nóng và nắng nóng gay gắt trong các ngày 21–22/6, sau đó cường độ giảm dần.

- Khu vực Tây Nguyên: Khu vực chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có nơi mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

***1.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a)Tình hình thời tiết trong tuần:*

Nhiệt độ: Trung bình: 28,5 0C; Cao nhất: 36,4 0C; Thấp nhất: 24,4 0C;

Độ ẩm: Trung bình: 83,5 %; Cao nhất: 93,8 %; Thấp nhất: 76,8 %.

Nhận xét: Trong kỳ, thời tiết phổ biến có mưa rào và dông vài nơi.

*b) Dự báo tuần tới:* Khu vực phổ biến có mưa rào và dông rải rác vào chiều tối và tối, cục bộ có nơi mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

**2. Cây trồng**

***2.1. Các tỉnh Bắc bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **700.606 ha/ 705.000 ha**, đạt 99,4 % so với kế hoạch. Đến ngày 19/6 đã thu hoạch được **504.474 ha**, chiếm **72 %** diện tích gieo cấy. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Trà sớm | Thu hoạch xong | 57.705 |
| Trà chính vụ | Thu hoạch xong | 230.745 |
| Trà muộn | Chín - Thu hoạch | 412.156 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **700.606/ 705.000** |

- Lúa vụ Mùa 2025: Đã bắt đầu gieo cấy, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Mạ mùa | Gieo – 2,3 lá | 28.677 |
| Lúa mùa sớm | Gieo – cấy | 18.341 |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây ngô xuân | Thu hoạch | 178.700 |
| - Cây ngô hè thu | Trồng, 3-7 lá | 80.940 |
| - Cây lạc xuân | Chắc củ - Thu hoạch | 31.019 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây cam, quýt | Phát triển quả | 40.923 |
| + Cây xoài | Phát triển quả - Thu hoạch | 23.866 |
| + Cây bưởi | Phát triển quả | 36.363 |
| + Cây hoa | PTTL - Nụ, hoa | 2.558 |
| + Cây nhãn | Phát triển quả | 37.750 |
| + Cây vải | Thu hoạch | 47.643 |
| + Cây chuối | Ra hoa - Quả xanh - Thu hoạch | 28.077 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây chè | Phát triển búp – Thu hái | 85.704 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả - Thu hoạch | 20.468 |
| + Cây sắn | Phát triển thân lá | 76.234 |
| + Cây mía | Đẻ nhánh – Vươn lóng | 22.201 |
| - Cây lâm nghiệp |  |  |
| + Cây thông | Khai thác nhựa | 366.658 |
| + Cây quế | Kinh doanh | 150.068 |
| + Cây hồi | Kinh doanh | 44.000 |

***2.2. Các tỉnh Bắc Trung bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa vụ Đông Xuân 2024-2025: Diện tích **346.373 ha/ 345.000 ha**, đạt 100,4 % so với kế hoạch. Đến nay đã thu hoạchxong.

*-* Lúa vụ Hè Thu – Mùa 2025: Diện tích đã gieo, cấy **197.429 ha/ 300.000 ha**, đạt 66% so với kế hoạch.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Sớm | Gieo, 3 lá- Bén rễ hồi xanh | 135.000 |
| Chính vụ | Mạ | 62.429 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **197.429/ 300.000** |

*b) Cây trồng khác*

| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- |
| Cây ngô | Mới gieo – xoáy nõn | 10.963 |
| Cây lạc | Mới gieo | 137 |
| Cây rau | Cây con - PT thân lá – TH | 14.604 |
| Đậu các loại | Các giai đoạn sinh trưởng | 2.208 |
| Khoai lang | Phát triển thân lá – củ | 5.209 |
| Cây sắn | PT thân lá - củ | 47.021 |
| Cây mía | Đẻ nhánh | 35.179 |
| Cây cam, chanh | KTCB- Quả non | 23.946 |
| Cây cà phê | PT quả | 3.707 |
| Cây cao su | KTCB - KD | 67.423 |
| Cây hồ tiêu | Phát triển quả | 3.488 |
| Cây chè | KTCB - KD | 13.299 |
| Cây thông | KTCB-KD | 94.627 |
| Keo, bạch đàn | KTCB – KD | 48.914 |
| Cây luồng | KTCB – KD | 82.333 |

*c. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng bởi thiên tai*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại thiên tai** | **Cây trồng bị ảnh hưởng** | **Diện tích bị ảnh hưởng gây giảm năng suất (ha)** | | **Diện tích được khắc phục bằng các biện pháp (ha)** | | |
| Giảm 30-70% | Giảm >70% | Đã gieo cấy lại | Đã trồng cây khác | Để đất trống |
| **Lũ lụt** | Cây lúa | 21.534,92 | 31.721,23 | 1.300 |  |  |
| Cây hoa màu | 2.782,1 | 2.752,5 |  |  |  |
| Cây ăn quả | 18,5 |  |  |  |  |
| **Tổng:** | **24. 335,52** | **34.473,73** | **1.300** |  |  |

Do ảnh hưởng của bão số 01 (tên quốc tế là WUTIP), từ đêm 11/6/2023 đến sáng ngày 13/6/2025, trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và thành phố Huế đã xảy ra mưa lớn kéo dài gây ngập úng nghiêm trọng trên diện rộng.

Theo thống kê sơ bộ đến thời điểm ngày 18/6/2025, toàn vùng có **58.809,25 ha** lúa, hoa màu và cây ăn quả bị ngập úng, trong đó:

+ Lúa Hè Thu: 53.256,15 ha bị ngập, 31.721,23 ha bị thiệt hại trên 70%.

+ Cây hoa màu: 5.534,6 ha bị ngập, trong đó 2.752,5 ha bị thiệt hại trên 70%.

+ Cây ăn quả: 18,5 ha bị ngập.

Cụ thể từng địa phương như sau:

- Tỉnh Quảng Bình:

+ Diện tích lúa Hè Thu bị ngập úng và hư hại nặng: **9.350,19 ha**, trong đó **6.818,25** ha bị thiệt hại trên 70%. Tính đến hiện tại, còn khoảng **890 ha** bị ngập, đã gieo sạ lại được khoảng **500 ha**, chủ yếu tại huyện Bố Trạch.

+ Diện tích hoa màu bị thiệt hại: **502,1 ha.**

- Tỉnh Quảng Trị: Có **21.487,96 ha lúa** (giai đoạn mạ – đẻ nhánh) và **3.801,5 ha hoa màu** (sắn, lạc, rau đậu các loại…) bị ngập sâu. Trong đó: **17.902,98 ha** lúa không có khả năng phục hồi, cần tổ chức gieo sạ lại và **3.581,98 ha** lúa có khả năng phục hồi; **2.752,5 ha** cây trồng cạn cần gieo lại, 1.049 ha cần khắc phục, đã tổ chức gieo lại được hơn 800 ha.

- Thành Phố Huế

+ Diện tích lúa bị ngập úng khoảng **22.418 ha/25.126 ha** gieo cấy; tính đến chiều ngày 18/6, còn 8.587 ha lúa đang tiêu úng. Ước tính cần gieo lại khoảng **7.000 ha**, tương ứng với **700 tấn giống**.

+ Diện tích rau màu bị ngập: khoảng 1.231 ha.

+ Diện tích cây ăn quả bị ngập: 18,5 ha.

***2.3. Các tỉnh DHNTB và Tây Nguyên***

*a) Cây lúa:*

- Lúa Hè Thu sớm 2025: Đã gieo cấy **278.447** **ha/394.265 ha**, đạt **70,62 %** so vớikế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Vụ/ Trà lúa** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Đồng bằng | Sớm | Đứng cái - Đòng trỗ | 33.614 |
| Chính vụ | Đẻ nhánh - Đẻ nhánh rộ | 151.799 |
| Muộn | Sạ - Mạ | 27.122 |
| Tây Nguyên | Sớm | Đẻ nhánh rộ - Làm đòng | 8.743 |
| Chính vụ | Mạ - Đẻ nhánh rộ | 57.169 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | | **278.447/ 394.265** |

*b) Cây trồng khác*

| **Cây trồng** | | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngô Hè Thu | | Cây con - PTTL – Trỗ cờ | 85.230 |
| Đậu Hè Thu | | Cây con - PTTL, ra hoa | 37.274 |
| Lạc Hè Thu | | Cây con - PTTL, ra hoa | 8.880 |
| - Cây rau | | Nhiều giai đoạn | 42.157 |
| - Cây sắn | |  | **172.948** |
| Đồng Bằng | ĐX 2024-2025 | PTTL - Tạo củ | 36.853 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống - Cây con | 31.838 |
| Tây Nguyên | ĐX 2024-2025 | PTTL - Tạo củ | 12.733 |
| Hè Thu 2025 | Xuống giống - Cây con | 91.525 |
| - Cây ăn quả | |  |  |
| + Thanh long | | Chăm sóc - Thu hoạch | 26.550 |
| + Sầu riêng | | Nuôi quả | 87.581 |
| + Nho | | Nhiều giai đoạn | 881 |
| + Táo | | Nhiều giai đoạn | 1.122 |
| + Dừa | | Nhiều giai đoạn | 5.310 |
| + Cây có múi | | Nhiều giai đoạn | 9.802 |
| - Cây công nghiệp | |  |  |
| + Chè | | Chăm sóc - Thu hoạch | 10.050 |
| + Mía | | Nhiều giai đoạn | 97.343 |
| + Cà phê | | Nuôi quả | 673.457 |
| + Tiêu | | Chăm sóc | 73.381 |
| + Điều | | Nuôi quả - Thu hoạch | 128.480 |
| + Cao su | | Nhiều giai đoạn | 275.423 |

***2.4. Các tỉnh Nam bộ***

*a) Cây lúa*

- Lúa vụ Hè Thu 2025: Đã xuống giống **1.523.633 ha/1.537.160 ha**,đạt99,1%sovới kế hoạch.Hiện đã thu hoạch được **258.042 ha**, chiếm **16,9%** diện tích gieo trồng.Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 111.922 |  |
| Đẻ nhánh | 446.275 |  |
| Đòng - trỗ | 437.346 |  |
| Chín | 270.048 |  |
| Thu hoạch |  | 258.042 |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **1.523.633/ 1.537.160** |

- Lúa vụ Thu Đông 2025: Đã xuống giống **153.808 ha/ 890.075 ha**, đạt 17,2% so với kế hoạch. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** | **Diện tích đã thu hoạch (ha)** |
| Mạ | 93.918 |  |
| Đẻ nhánh | 56.614 |  |
| Đòng – Trỗ | 3.276 |  |
| **Tổng cộng (Thực hiện/ Kế hoạch)** | | **153.808/ 890.075** |

*b) Cây trồng khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích hiện tại (ha)** |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 75.947 |
| - Cây ăn quả |  |  |
| + Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 177.443 |
| + Cây có múi | Nhiều giai đoạn | 125.141 |
| + Cây xoài | Nuôi quả | 61.502 |
| + Cây chuối | Nhiều giai đoạn | 63.225 |
| + Cây mít | PTTL, Nuôi quả, TH | 66.407 |
| + Cây sầu riêng | Thu hoạch - Chăm sóc | 79.082 |
| + Cây nhãn | Chăm sóc, PTTL | 26.781 |
| + Cây thanh Long | Chăm sóc, PTTL | 18.832 |
| + Cây chôm chôm | Chăm sóc, PTTL | 18.409 |
| - Cây công nghiệp |  |  |
| + Cây cao su | Khai thác mủ | 515.815 |
| + Cây điều | Phục hồi sau thu hoạch | 182.854 |
| +Cây sắn (Khoai mì) | PTTL, PT củ, thu hoạch | 63.102 |
| + Cây tiêu | Nuôi quả và phát triển hạt | 32.578 |
| + Cây cà phê | Phát triển quả | 22.397 |
| + Cây ngô (Bắp) | Nhiều giai đoạn | 20.145 |
| + Cây mía | Mới trồng, PTTL, đẻ nhánh | 12.851 |

*c) Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng trong vụ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vụ** | **Diện tích bị thiệt hại và khắc phục (ha)** | | | **Nguyên nhân** | |
| Giảm NS  30-70% | Mất trắng (>70%) | Đã gieo  cấy, dặm lại | Khô hạn, nhiễm mặn (ha) | Ngập úng, đổ ngã |
| Thu Đông 2025 |  | 28,5 | 28,5 |  | 28,5 |
| **Tổng** |  | **28,5** | **28,5** |  | **28,5** |

\* **Vụ Thu Đông 2025**: Do ảnh hưởng của cơn bão số 1 gây mưa lớn, tỉnh Kiên Giang có 28,5 ha lúa bị thiệt hại với tỷ lệ trên 70%. Nông dân đã tổ chức gieo sạ lại để khôi phục sản xuất.

**II. TÌNH HÌNH SVGH CÂY TRỒNG**

**1. Tình hình SVGH trong tuần**

**1.1. Cây lúa**

***a) Bệnh đạo ôn***

*- Bệnh đạo ôn lá*: Diện tích nhiễm 20.071 ha (tăng 5.589 ha so với kỳ trước, tăng 11.547 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 18 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 6.249 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Gia Lai, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long…;

- *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 4.793 ha (tăng 1.212 ha so với kỳ trước, tăng 2.323 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 32 ha, diện tích đã phòng trừ trong kỳ 3.806 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh: Bắc Ninh, Bắc Giang, Điện Biên, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang…;

***b) Sâu cuốn lá nhỏ*:** Diện tích nhiễm 6.046 ha (tăng 201 ha so với kỳ trước, giảm 4.373 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.133 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Nghệ An, Bình Thuận, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh…;

***c) Rầy hại lúa*:** Diện tích nhiễm 1.553 ha (giảm 1.621 ha so với kỳ trước, giảm 714 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 720 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Nghệ An, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai, An Giang…;

***d) Sâu đục thân 2 chấm*:** Diện tích nhiễm 2.492 ha (tăng 125 ha so với kỳ trước, tăng 1.497 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 957 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Ninh, Lạng Sơn, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Bình Định, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Long An, Đồng Tháp, Bà Rịa Vũng Tàu…;

***đ) Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 5.295 ha (tăng 200 ha so với kỳ trước, tăng 574 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 4.530 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Ninh, Bắc Giang, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Nai…;

***e)*** ***Bệnh đen lép hạt***: Diện tích nhiễm 8.555 ha (tăng 1.883 ha so với kỳ trước, tăng 4.044 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 7.358 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, An Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Đồng Tháp…;

***g) Ốc bươu vàng:*** Diện tích nhiễm 4.940 ha (giảm 1.043 ha so với kỳ trước, tăng 161 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 100 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.472 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Quảng Nam, Gia Lai, Đồng Nai, Sóc Trăng, TP Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Cần Thơ, Cà Mau…;

***h) Chuột:*** Diện tích nhiễm 5.424 ha (giảm 1.174 ha so với kỳ trước, giảm 1.118 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 6 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.209 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bạc Liêu, An Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Đồng Nai…;

***i) Sâu năn (Muỗi hành):*** Diện tích nhiễm 100 ha (giảm 30 ha so với kỳ trước, giảm 90 ha so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 100 ha. Phân bố chủ yếu tại tỉnh Đồng Tháp….

**1.2. Cây ngô**

*Sâu keo mùa thu:* Diện tích nhiễm 1.082 ha (giảm 171 ha so với kỳ trước, tăng 348 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 07 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.494 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai…;

**1.3. Cây nhãn**

*Bệnh chổi rồng:* Diện tích nhiễm 226 ha (tăng 03 ha so với kỳ trước, giảm 163 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 11 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 26 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: Bình Phước, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang…;

**1.4. Cây thanh long**

*Bệnh đốm nâu*: Diện tích nhiễm 2.945 ha (giảm 371 ha so với kỳ trước, tăng 45 so với CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.283 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, BRVT,…

**1.5. Cây dừa**

*- Bọ cánh cứng*: Diện tích nhiễm 5.122 ha (giảm 90 ha so với kỳ trước, giảm 1.052 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 40 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 295 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Phú Yên, Bình Thuận, Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang…;

*- Sâu đầu đen* (*Opisina arenosella* Walker): Diện tích nhiễm 277 ha (giảm 30 ha với kỳ trước, giảm 288 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 20 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 704 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng,…

**1.6. Cây ăn quả có múi**

- *Bệnh vàng lá thối rễ:* Diện tích nhiễm 439 ha (giảm 14 ha so với kỳ trước, giảm 227 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 04 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 219 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Tuyên Quang, Hòa Bình, Hậu Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bà Rịa Vũng Tàu,…;

*- Bệnh Greening*: Diện tích nhiễm 684 ha (giảm 278 ha so với kỳ trước, tăng 226 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 02 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 59 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước….

**1.7. Cây sầu riêng**

*Bệnh xì mủ*: Diện tích nhiễm 3.600 ha (tăng 44 ha so với kỳ trước, giảm 548 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 107 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.264 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đồng Nai, Tiền Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bình Phước…;

**1.8. Cây hồ tiêu**

*- Tuyến trùng*: Diện tích nhiễm 1.496 ha (giảm 25 ha so với kỳ trước, giảm 292 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 116 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 950 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Kiên Giang..;

*- Bệnh chết chậm*: Diện tích nhiễm 957 ha (giảm 20 ha so với kỳ trước, giảm 643 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 87 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 538 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Kiên Giang…;

*- Bệnh chết nhanh*: Diện tích nhiễm 197 ha (tương đương với kỳ trước, tăng 127 ha so với CKNT); diện tích đã phòng trừ trong kỳ 03 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, ….

**1.9. Cây cà phê**

*- Bệnh khô cành*:Diện tích nhiễm 6.070 ha (tăng 29 ha so với kỳ trước, giảm 1.030 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 4.889 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

*- Bệnh gỉ sắt:*Diện tích nhiễm 6.268 ha (giảm 173 ha so với kỳ trước, tăng 233 ha so CKNT), diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 8.939 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước..;

**1.10. Cây chè**

*Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 4.005 ha (giảm 167 ha so với kỳ trước, giảm 411 ha so với CKNT); diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.003 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thái Nguyên, Lâm Đồng, Yên Bái, Hà Nội,…

**1.11. Cây sắn (khoai mì)**

*Bệnh khảm lá virus:* Diện tích nhiễm 52.004 ha (giảm 1.027 ha với kỳ trước, giảm 9.290 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 9.771 ha, đã mất trắng 03 ha tại tỉnh Hà Tĩnh; diện tích đã phòng trừ môi giới truyền bệnh trong kỳ 794 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Nam, Gia Lai, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Bình Thuận,Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương,….

**1.12. Cây điều**

*- Bọ xít muỗi*: Diện tích nhiễm 4.359 ha (giảm 500 ha so với kỳ trước, tăng 292 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 02 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.147 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương;

*- Bệnh thán thư:* Diện tích nhiễm 3.823 ha (giảm 1 ha so với kỳ trước, giảm 128 ha so với CKNT), trong đó nhiễm nặng 10 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.050 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu….

**1.13. Cây tre, luồng, vầu**

*Châu chấu tre:* Diện tích nhiễm 82 ha (cao hơn 22 ha so với kỳ trước, thấp hơn 783,82 ha so với CKNT), đã phòng trừ trong kỳ 18 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Lạng Sơn.

Ngoài ra, trên cỏ dại: Châu chấu tre gây hại trên 07 ha (thấp hơn 01 ha so với kỳ trước, thấp hơn 269 ha so với CKNT), phòng trừ 4 ha. Phân bố tại tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn,….

**2. Dự báo SVGH trong tuần tới**

***2.1. Trên cây lúa***

*a) Các tỉnh Bắc Bộ:*

- Lúa Mùa 2025: *Ốc bươu vàng* có xu hướng gây hại tăng; *rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, chuột* … tiếp tục hại.

*b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:*

- Trên lúa Hè Thu- Mùa 2025: *Ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ,...* tiếp tục phát sinh và gây tăng trên mạ và lúa Hè Thu mới gieo tại các tỉnh trong vùng.

*c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:*

- Đồng bằng:

+ *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh đen lép hạt, bệnh khô vằn*,... tiếp tục phát sinh và gây hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn đòng trỗ - chín.

+ Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá, bệnh đốm nâu,… tiếp tục hại lúa Hè Thu chính vụ giai đoạn đẻ nhánh - đứng cái, mức độ hại phổ biến từ nhẹ đến trung bình.

- Tây Nguyên:

+ *Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá, bệnh nghẹt rễ, tuyến trùng*,...hại rải rác lúa Hè Thu sớm giai đoạn đẻ nhánh - đòng trỗ. *Bọ trĩ, sâu keo, ruồi đục nõn,*…hại chủ yếu trên lúa giai đoạn mạ.

Ngoài ra, *Chuột* tiếp tục gia tăng gây hại trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trỗ, đặc biệt gây hại giống gieo lúa Hè Thu muộn. *Ốc bươu vàng* gây hại rải rác lúa Hè Thu muộn giai đoạn xuống giống - mạ.

*d) Các tỉnh Nam bộ:*

- *Rầy nâu* ngoài đồng phổ biến tuổi 5- trưởng thành, phát sinh và gây hại phổ biến ở mức nhẹ đến trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh-đòng trỗ; cần theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy để kịp thời quản lý hiệu quả. Ngoài ra, các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Thu Đông- Mùa 2025 cần sử dụng giống chất lượng, làm đất kỹ, theo dõi sát tình hình khí tượng thuỷ văn tại địa phương để xuống giống an toàn, hạn chế thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi.

- Do ảnh hưởng của bão, khu vực tiếp tục có mưa nhiều, ẩm độ không khí cao, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh hại lúa phát sinh, lây lan gây hại. Khuyến cáo nông dân thường xuyên thăm đồng, chủ động phòng chống *bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, đen lem lép hạt*, nhất là trên các khu ruộng gieo sạ dày, sử dụng giống nhiễm hoặc bón thừa phân đạm, … để hạn chế bệnh lây lan ra diện rộng.

Ngoài ra, cần chú ý: *Chuột* gây hại trên lúa giai đoạn đòng trỗ - chín; triển khai đồng bộ các biện pháp diệt chuột mang tính cộng đồng để nâng cao hiệu quả. Tiếp tục theo dõi *ốc bươu vàng* gây hại trên các trà lúa mới xuống giống (dưới 15 ngày sau sạ).

***2.2. Trên cây trồng khác***

*a) Trên cây ngô*: *Sâu keo mùa thu, sâu ăn lá, bệnh đốm lá ,*...tiếp tục gây hại trên ngô giai đoạn phát triển thân lá- xoáy nõn, mức độ hại phổ biến từ nhẹ- trung bình, cục bộ hại nặng. *Sâu đục thân đục bắp, bệnh gỉ sắt, bệnh khô vằn*,...tiếp tục phát sinh gây hại trên ngô giai đoạn trỗ cờ - thâm râu.

*b) Cây sắn:* *Bệnh khảm lá virus* tiếp tục lây lan nhiễm bệnh tại các vùng trồng sắn trong cả nước, đặc biệt khu vực miền Trung, Tây Nguyên và Nam Bộ. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như *bọ phấn trắng, rệp sáp*,... .

*c) Trên cây rau, màu*: Các đối tượng sinh vật hại như *sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy, bệnh sương mai*,... tiếp tục gây hại nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng trên rau họ hoa thập tự. *Sâu đục lá cà chua Nam Mỹ, bệnh xoăn lá virus* cà chua*, bệnh sưng rễ* bắp cải,.. tiếp tục gây hại. *Sâu khoang, sâu xám, bệnh lở cổ rễ, bệnh héo xanh*,... tiếp tục hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lạc, đậu đỗ.

*d) Trên cây ăn quả:*

*- Cây ăn quả có múi*: *Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh Greening, sâu vẽ bùa, rệp, nhện đỏ,...* tiếp tục phát sinh và gây hại trên các vùng trồng cây có múi, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*- Cây nhãn, vải:* Sâu cuốn lá, sâu đo, bệnh thán thư tiếp tục hại tại các tỉnh phía Bắc; *Bệnh chổi rồng nhãn* tiếp tục hại chủ yếu trên cây nhãn tại các tỉnh phía Nam.

*- Cây sầu riêng:* Bệnh nứt thân xì mủ do Phytophthora sp., bệnh thán thư,…tiếp tục gây hại trên cây sầu riêng; Mọt đục cành, rệp sáp, rầy bông, bệnh thối rễ,…hại cục bộ.bệnh cháy lá, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... có khả năng gia tăng diện tích nhiễm.

*- Cây thanh long:* *Bệnh đốm nâu, rệp sáp, thán thư, ốc*,...tiếp tục gây hại trên các vườn thanh long.

*- Cây dừa:* *Bọ cánh cứng, sâu đầu đen, bọ vòi voi,*... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các khu vực trồng dừa tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Cà Mau, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Hậu Giang, …

*e) Trên cây công nghiệp lâu năm:*

*- Cây cà phê:**Bọ xít muỗi* gây hại chủ yếu trên cây cà phê chè ở Lâm Đồng. *Rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân/cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt*,...tiếp tục gây hại trên cà phê giai đoạn ra hoa- quả non.

*- Cây hồ tiêu:* *Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp,*... tiếp tục hại cục bộ.

*- Cây điều:* *Bọ xít muỗi, bệnh thán thư ,*...tiếp tục phát sinh và gia tăng gây hại điều giai đoạn ra hoa - nuôi quả.

*- Cây cao su:* *Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh đốm lá, bệnh nấm hồng,*...tiếp tục gây hại nhẹ đến trung bình trên các vườn cao su.

*- Cây chè:* *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp*... tiếp tục phát sinh gây hại, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng.

*f) Trên tre, luồng, vầu:* Châu chấu tre tiếp tục phát triển và gây hại. Lưu ý: Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến tại các khu vực châu chấu sinh sản hàng năm như Điện Biên, Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nghệ An,...để chủ động phòng chống kịp thời và hiệu quả.

**III. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ PHÒNG CHỐNG SVGH**

- Chỉ đạo các tỉnh khu vực Bắc Bộ: Tiếp tục triển khai tốt các văn bản chỉ đạo của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, gồm: Công văn số 1317/TTTV-TTBVTV ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất cuối vụ Đông Xuân 2024-2025 và triển khai kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa 2025; Công văn số 1043/TTBVTV-TTBVTV ngày 29/4/2025 về chỉ đạo sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật trên cây trồng. Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Bắc Trung Bộ: Thực hiện tốt công văn 1610/TTTV-TTBVTV ngày 11/6/2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về chỉ đạo sản xuất khắc phục sau bão số 1.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng lúa khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến các đối tượng SVGH chính trên lúa Hè Thu 2025 và lúa Thu Đông để chủ động các biện pháp phòng chống. Hướng dẫn nông dân áp dụng TCCS 1000:2025/BVTV “Quy trình quản lý tổng hợp sinh vật gây hại (IPM) trên cây lúa”. Tổ chức vệ sinh đồng ruộng; thu gom ốc bươu vàng và phòng, chống chuột theo hướng dẫn tại Công văn số 104/ TT&BVTVMT ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm Bảo vệ thực vật miền Trung. Duy trì phong trào ra quân diệt chuột ở các địa phương; củng cố hệ thống bẫy đèn, mạng thông tin nhằm phục vụ cho công tác dự tính dự báo SVGH và chỉ đạo bảo vệ tốt sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ: tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình và chủ động biện pháp phòng, chống các đối tượng SVGH chính như: *bệnh chết chậm* hại trên cây hồ tiêu; *rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt,*.. hại trên cây cà phê; *bọ xít muỗi* và *bệnh thán thư* hại trên cây điều; *bệnh nứt, thân xì mủ* trên cây sầu riêng, *bệnh đốm nâu* hại thanh long.

- Chỉ đạo các Trung tâm BVTV vùng, các tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công văn số 106/BVTV-TV ngày 19/01/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về việc thực hiện các quy định về điều tra phát hiện SVGH cây trồng và công văn số 944/BVTV-TV ngày 01/6/2020 của Cục BVTV về báo cáo định kỳ.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15/3/2024 của Bộ NN&PTNT về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Chỉ đạo các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh tiếp tục điều tra, phát hiện và chủ động biện pháp phòng chống sinh vật gây hại trên cây lâm nghiệp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục TT&BVTV (để b/c);  - Phòng KH-TC, HTQT (đưa website Cục);  - Trung tâm TT& BVTV vùng;  - Báo NNMTVN, Báo ND, VTV1;  - Lưu: VT, TTBVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**    **Nguyễn Thị Thu Hương** |

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

| **Stt** | **Tên SVGH** | **DTN(ha)** | | | | **DTN so với (ha)** | | **Phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Tổng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| **I** | **Cây Lúa** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đạo ôn lá | 20.053 | 18 | 0 | 20.071 | 5.589 | 11.547 | 6.249 | B.Thuận, L.Đồng, K.Hoà, G.Lai, LA, BL, ĐT, KG, ST, VL |
| 2 | Đạo ôn cổ bông | 4.761 | 32 | 0 | 4.793 | 1.212 | 2.323 | 3.806 | BN, BG, ĐB, BL, VL, HG, AG, KG |
| 3 | Rầy hại lúa | 1.561 | 0 | 0 | 1.553 | -1.621 | -714 | 720 | TN, BG, QN, NA, ĐT, LA, TG, ĐN, ST, AG |
| 4 | Sâu đục thân 2 chấm | 2.492 | 0 | 0 | 2.492 | 125 | 1.497 | 957 | BN, LS, K.Hoà, B.Thuận, Q.Ngãi, B.Định, BL, ST, HG, LA, ĐT, VT |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ | 6.046 | 0 | 0 | 6.046 | 201 | -4.373 | 2.133 | NA, B.Thuận, G.Lai, L.Đồng, Đ.Lắk, BL, ST, KG, AG, ĐT, TV |
| 6 | Bệnh bạc lá | 5.295 | 0 | 0 | 5.295 | 200 | 574 | 4.530 | BN, BG, L.Đồng, K.Hoà, ĐT, AG, VL, KG, HG, ĐN,… |
| 7 | Bệnh đen lép hạt | 10.438 | 0 | 0 | 10.438 | 1.883 | 4.044 | 7.358 | K.Hoà, AG, VL, KG, BL, HG, ĐT |
| 8 | Chuột hại lúa | 5.418 | 6 | 0 | 5.424 | -1.174 | -1.118 | 3.209 | QT, Huế, K.Hoà, B.Thuận, Q.Ngãi, P.Yên, BL, AG, TV, ĐT, ST, ĐN |
| 9 | Ốc bươu vàng | 4.840 | 100 | 0 | 4.940 | -1.043 | 161 | 2.472 | ĐB, PT, TH, NA, HT, QT, Huế, B.Thuận, K.Hoà, Q.Ngãi, L.Đồng, Q.Nam, G.Lai, ĐN, ST, HCM, TV, CT, CM,… |
| 10 | Bệnh khô vằn | 7.805 | 110 | 0 | 7.915 | -11.666 | 53 | 5.782 | BG, BN, K.Hoà, B.Định, Q.Ngãi, HCM, HG, TN |
| 11 | Sâu năn (Muỗi hành) | 100 | 0 | 0 | 100 | -30 | -90 | 100 | ĐT |
| 12 | Bọ trĩ | 736 | 1 | 0 | 736 | 245 | -1.260 | 402 | K.Hoà, G.Lai, L.Đồng, Q.Ngãi, N.Thuận, B.Định, P.Yên, STr, ĐN, CM, BP, HCM, VT |
| **II** | **Cây trồng khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Chổi rồng nhãn | 215 | 11 | 0 | 226 | 3 | -163 | 26 | BP, VL, ST, TV, TG, BT, HG |
| 2 | Bệnh vàng lá thối rễ cây có múi | 435 | 4 | 0 | 439 | -14 | -227 | 219 | TQ, YB, HG, VL, TG, ST, TV, BRVT |
| 3 | Bệnh Greening | 682 | 2 | 0 | 684 | -278 | 226 | 59 | VL, HG, ST, TV, BD, BP |
| 4 | Đốm nâu thanh long | 2.945 | 0 | 0 | 2.945 | -371 | 45 | 2.283 | B.Thuận, LA, TG, TV, BRVT |
| 5 | Bọ cánh cứng hại dừa | 5.082 | 40 | 0 | 5.122 | -90 | -1.052 | 295 | P.Yên, BT, ST, KG, CM, TG, TV, VL, BL, HG,… |
| 6 | Sâu đầu đen hại dừa | 239 | 20 | 0 | 277 | -30 | -288 | 704 | P.Yên, K.Hoà, BT, KG, TV, TG, ST, VL,… |
| 7 | Bệnh xì mủ hại sầu riêng | 3.493 | 107 | 0 | 3.600 | 44 | -548 | 3.264 | K.Hoà, Đ.Lắk, L.Đồng, ĐN, TG, HG, ST, VL, BP,….. |
| 8 | Tuyến trùng hại tiêu | 1.380 | 116 | 0 | 1.496 | -25 | -292 | 950 | QTr, G.Lai, ĐN, BP, KG, BD |
| 9 | Chết chậm hại tiêu | 870 | 87 | 0 | 957 | -20 | -643 | 538 | QB, QTr, G.Lai, Đ.Lắk, BP, ĐN, BRVT, KG, BD,… |
| 10 | Chết nhanh hại tiêu | 197 | 0 | 0 | 197 | 0 | 127 | 3 | G.Lai, ĐN, KG, BP, … |
| 11 | Bệnh khô cành cà phê | 6.070 | 0 | 0 | 6.070 | 29 | -1.030 | 4.889 | Điện Biên, QTr, G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, ĐN, BP, … |
| 12 | Gỉ sắt cà phê | 6.268 | 0 | 0 | 6.268 | -173 | 233 | 8.939 | ĐB, SL, G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, ĐN, BP,…. |
| 13 | Bọ xít muỗi hại điều | 4.357 | 2 | 0 | 4.359 | -500 | 292 | 2.147 | B.Thuận, G.Lai, Đ.Lắk, L.ĐồngĐN, BP, BRVT, BD |
| 14 | Bệnh thán thư hại điều | 3.813 | 10 | 0 | 3.823 | -1 | -128 | 2.050 | G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, BP, ĐN, BRVT, …. |
| 15 | Bọ xít muỗi hại chè | 4.005 | 0 | 0 | 4.005 | -167 | -411 | 3.003 | TN, YB, PT, L.Đồng, … |
| 16 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 42.230 | 9.771 | 3 | 52.004 | -1.027 | -9.290 | 794 | TH, NH, HT, QB, QTr, TTH, P.Yên, Q.Ngãi, Q.Nam, G.Lai, K.Hoà, B.Thuận, TN, ĐN, BD, BP |
| 17 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 1.075 | 7 | 0 | 1.082 | -172 | 348 | 1.494 | SL, ĐB, BG, HT, Q.Ngãi, P.Yên, K.Hoà, G.Lai, Đ.Lắk, L.Đồng, ĐN,.. |